Chi tiết mã HS 2933.49.10

Mã HS	2933.49.10
Mô tả hàng hóa	Hợp chất dị vòng chỉ chứa (các) dị tố ni tơ / - Hợp chất chứa trong cấu trúc 1 vòng quinolin hoặc hệ vòng isoquinolin (đã hoặc chưa hydro hóa), chưa ngưng tụ thêm: / - - Loại khác: / - - - Dextromethorphan
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:05:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29334910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4363
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4363
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4363
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4319
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4280
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4280
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4280
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4280
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4280
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4280
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4318
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4318

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4318
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4318
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4318
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4318
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4322
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4322
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4322
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4322
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4322
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4322
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4322
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4286
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4282
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4282
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4282
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4282
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4282
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4282
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4282
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4282
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4282
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4282
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4282
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4282
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4329
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4329

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4329
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4329
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4329
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4329
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4326
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4326
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4326
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4326
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4326
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4326
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4334
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4334
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4334
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4334
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4334
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4334
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4305
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4305
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4305
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4305
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4305
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4305
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4307
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4307
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4307
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4307
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4307
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4305
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4305
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4305
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4305
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4305
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4305
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4305
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4326
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4326
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4326
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4326
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4326
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4326
RCEP B	2022	2022	0	B!D4326
RCEP B	2023	2023	0	B!E4326
RCEP B	2024	2024	0	B!F4326
RCEP B	2025	2025	0	B!G4326
RCEP B	2026	2026	0	B!H4326
RCEP B	2027	2027	0	B!I4326
RCEP C	2022	2022	0	C!D4326
RCEP C	2023	2023	0	C!E4326
RCEP C	2024	2024	0	C!F4326
RCEP C	2025	2025	0	C!G4326
RCEP C	2026	2026	0	C!H4326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4326
RCEP D	2022	2022	0	D!D4326
RCEP D	2023	2023	0	D!E4326
RCEP D	2024	2024	0	D!F4326
RCEP D	2025	2025	0	D!G4326
RCEP D	2026	2026	0	D!H4326
RCEP D	2027	2027	0	D!I4326
RCEP E	2022	2022	0	E!D4329
RCEP E	2023	2023	0	E!E4329
RCEP E	2024	2024	0	E!F4329
RCEP E	2025	2025	0	E!G4329
RCEP E	2026	2026	0	E!H4329
RCEP E	2027	2027	0	E!I4329
RCEP F	2022	2022	0	F!D4326
RCEP F	2023	2023	0	F!E4326
RCEP F	2024	2024	0	F!F4326
RCEP F	2025	2025	0	F!G4326
RCEP F	2026	2026	0	F!H4326
RCEP F	2027	2027	0	F!I4326
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3980
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3980
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3980
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3980

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2933.49 có 2 dòng thuế; dòng 2933.49.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dextromethorphan.	2933.49.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2933.49.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2933.49.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4363), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.